

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ ĐTNĐ
VÀ XD GIAO THÔNG THANH HÓA**

Số: 51 /ĐTNĐ-KHTC

V/v xây dựng kế hoạch bảo trì công trình
đường thủy nội địa năm 2023 và trung hạn
2023-2027.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa
Ban Quản lý bảo trì CTGT và điều hành hoạt động
vận tải HKCC

Tỉnh Thanh Hóa có 102Km bờ biển và 30 tuyến sông kênh với tổng chiều dài 1.889Km trong đó tổng số Km các tuyến đường thủy nội địa Trung ương và các tuyến đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn đã đưa vào quản lý là 736Km (trong đó số chiều dài các tuyến đường thủy nội địa quốc gia là 213,0Km). Có 6 cửa sông chính đó là Lạch Càn, Lạch Sung, Lạch Trường, Lạch Hới, Lạch Ghép, Lạch Bạng. Do đặc điểm của khu vực Miền Trung có độ cao thấp dần từ khu vực miền núi xuống đồi gò trung du, xuôi xuống các đồng bằng phía trong dải cồn cát ven biển rồi ra đến các đảo ven bờ. Nên các tuyến ĐTNĐ quốc gia trên địa bàn chủ yếu phân bố ở khu vực đồng bằng duyên hải, chịu ảnh hưởng của thủy triều. Một số tuyến sông, kênh không được đầu tư nạo vét, chủ yếu khai thác tự nhiên.

Căn cứ Công văn số 541/CĐTNĐ- KHTC ngày 24/03/2022 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc xây dựng kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa năm 2023 và trung hạn 2023-2027.

Sau khi nghiên cứu, Công ty cổ phần Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa báo cáo Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa; Ban Quản lý bảo trì CTGT và điều hành hoạt động vận tải HKCC xây dựng kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa năm 2023 và trung hạn 2023-2027 trên 11 tuyến đường thủy nội địa Quốc gia (tổng chiều dài 213Km), cụ thể như sau:

1. Xây dựng kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa năm 2023

Căn cứ vào thực trạng của các tuyến ĐTNĐ quốc gia được Hợp đồng quản lý, bảo trì; Biên bản kiểm tra hiện trạng; định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá, định mức chi phí và chế độ hiện hành Công ty cổ phần Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa xây dựng kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa năm 2023 và trung hạn 2023÷2027 cụ thể như sau:

Tổng Kinh phí: 98.205.008.000 đồng

Trong đó:

- Bảo dưỡng thường xuyên 2023 : 20.853.854.000 đồng
- Sửa chữa định kỳ : 63.585.900.000 đồng
- Sửa chữa đột xuất (công tác khác) : 13.765.254.000 đồng

(Chi tiết có Phụ lục I và hồ sơ kèm theo kèm theo)

2. Kế hoạch trung hạn 05 năm 2023÷2027:

Công ty cổ phần Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa xây dựng kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa trung hạn 05 năm 2023÷2027 cụ thể như sau:

Tổng Kinh phí: 450.473.720.000 đồng

Trong đó:

- Bảo dưỡng thường xuyên 2023 : 83.658.944.000 đồng
- Sửa chữa định kỳ : 290.930.232.000 đồng
- Sửa chữa đột xuất (công tác khác) : 75.884.544.000 đồng

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

Công ty cổ phần Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa kính đề nghị Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa; Ban Quản lý bảo trì CTGT và điều hành hoạt động vận tải HKCC quan tâm xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Dũng

PHỤ LỤC I

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐTND NĂM 2023

(Kèm theo văn bản số 51 /ĐTNĐ-KHTC ngày 20/4/2022)

Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí (1.000 đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN			20.853.854					
Quản lý bảo trì luồng ĐTND quốc gia	Km	213	16.412.110	Năm 2023	1	Theo quy định		
Tuyến Kênh Nga Sơn từ N3 Chế Thôn đến cầu Diên Hộ	Km	27	1.135.984					
Tuyến Kênh De từ N3 Yên Lương đến N3 Trường Xá	Km	6,5	178.018					
Tuyến Sông Mã từ hạ lưu cầu Hoàng Long 200m đến N3 Vĩnh Ninh	Km	36	2.932.140					
Tuyến Sông Tào	Km	32	3.297.929					
Tuyến Kênh Chován từ N3 Hoàng Hà đến N3 Hoàng Phụ	Km	15	250.388					
Tuyến Sông Lèn	Km	51	5.252.935					
Tuyến Sông Bưởi từ N3 Vĩnh Ninh đến Kim Tân	Km	25,5	1.166.483					
Tuyến Lạch Bạng - Đảo Mễ	Km	20	2.198.233					
Quản lý vận hành âu tàu								
Điều tiết đảm bảo giao thông			4.441.744					
Điều tiết không chế đảm bảo ATGT khu vực cầu Hàm Rồng - sông Mã	Vị trí	1	1.613.950	Năm 2023	1	Theo quy định	Đặc thù khu vực có 2 cầu gần nhau, cầu Hàm Rồng có 02 trụ gia cố thêm nằm ở giữa luồng chạy tàu, khoảng thông thuyền hẹp, 2 phía bờ là 2 núi đá dẫn đến độ chênh cao MN giữa thượng lưu và hạ lưu lớn không đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các phương tiện vận tải qua khu vực.	

02 C
 Ộ P
 ƠN
 Ắ
 TH
 NH

Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí (1.000 đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
Điều tiết không chế đảm bảo ATGT khu vực cầu Tào Xuyên - sông Tào	Vị trí	1	2.827.794	Năm 2023	1	Theo quy định	Khu vực cầu Tào Xuyên gồm 2 cầu (cầu đường bộ và cầu đường sắt) cách nhau 25m, các cầu Đường sắt, đường bộ có chiều cao tính không lẫn lộn là 4,2m và 4,5m khẩu độ khoảng thông thuyền là 40m và 28m Phía thượng lưu cầu là đoạn cong với bán kính cong nhỏ dưới 110m tạo ra dòng chảy xiên so với trụ cầu, chiều rộng lòng sông bị thu hẹp Btb = 18m không đảm bảo chuẩn tắc sông cấp IV, khuất tầm nhìn rất nguy hiểm ảnh hưởng đến ATGT qua khu vực cụm cầu này.	
SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ			63.585.900					
1 Nạo vét đảm bảo giao thông			32.250.000					
Nạo vét đảm bảo giao thông đoạn cạn (Km0+500 - Km2+00) tuyến Lạch Bạng - Đảo Hòn Mê	m3	55.000	8.250.000	Năm 2023	1	Theo quy định	Đoạn cạn (Km0+500 - Km2+00) khu vực cửa Lạch Bạng, tuyến Lạch Bạng - Đảo Hòn Mê luồng quanh co, dòng chảy không ổn định tạo nên những đoạn cạn chạy dài, có kích thước đường thủy không đảm bảo theo cấp kỹ thuật ĐTNĐ là cấp I; khi thủy triều xuống kiệt (BL=25-50m; hct=1,2-2,5m) vì vậy các phương tiện thường xuyên mắc cạn. phải chờ nước lên mới lưu thông được làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy tại khu vực.	

Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí (1.000 đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
Nạo vét đảm bảo giao thông đoạn cạn khu vực cửa Lạch Sung, sông Lèn (Km3+00 - Km5+00)	m3	80.000	12.000.000	Năm 2023	1	Theo quy định	Đoạn cạn (Km3+00 - Km5+00) khu vực cửa Lạch Sung, sông Lèn, luồng quanh co, uốn khúc, dòng chảy không ổn định tạo nên những đoạn cạn chạy dài, có kích thước đường thủy không đảm bảo theo cấp kỹ thuật ĐTNĐ là cấp IV; khi thủy triều xuống kiệt (BL=15-20m; hct=0,8-1,2m) vì vậy các phương tiện thường xuyên mắc cạn phải chờ nước lên mới lưu thông được làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy tại khu vực.	
Nạo vét đảm bảo giao thông đoạn cạn khu vực cửa Lạch Trường, sông Tào (Km2+800 - Km5+300)	m3	80.000	12.000.000	Năm 2023	1	Theo quy định	Đoạn cạn (Km2+800 - Km5+300) khu vực cửa Lạch Trường, sông Lèn, luồng quanh co, uốn khúc, dòng chảy không ổn định tạo nên những đoạn cạn chạy dài, có kích thước đường thủy không đảm bảo theo cấp kỹ thuật ĐTNĐ là cấp IV; khi thủy triều xuống kiệt (BL=15-20m; hct=1,0-1,5m) vì vậy các phương tiện thường xuyên mắc cạn phải chờ nước lên mới lưu thông được làm ảnh hưởng đến trật tự và hoạt động giao thông đường thủy tại khu vực.	
2 Khảo sát định kỳ phục vụ quản lý và thông báo luồng								
3 Sửa chữa báo hiệu								
4 Bổ sung, thay thế báo hiệu			7.121.500	Năm 2023	1	Theo quy định		
Tuyến Kênh Nga Sơn từ N3 Ché Thôn đến cầu Điện Hộ			657.500					
Bổ sung	BH	27 Cột, 27 biển	351.000					
Thay thế	BH	12 Cột, 55 biển	306.500					

Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí (1.000 đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
Tuyến Kênh De từ N3 Yên Lương đến N3 Trường Xá			117.000					
Bổ sung	BH	6 Cột, 6 biển	78.000					
Thay thế	BH	3 Cột, 3 biển	39.000					
Tuyến Sông Mã từ hạ lưu cầu Hoàng Long 200m đến N3 Vĩnh Ninh			754.500					
Thay thế	BH	20 Cột, 47 biển, 01 dàn đèn	754.500				- Bảo hiệu trên các tuyến được lắp đặt từ năm 2014 trở về trước đã hết niên hạn sử dụng cần đầu tư thay thế, nâng cấp. - Theo thời gian cộng với sự xâm thực của môi trường nước mặn, lợ bảo hiệu ri, mục, cột bê tông sắt nỏ trong. Đơn vị đã khắc phục sửa chữa nhưng đến nay một số bảo hiệu qua thời gian dài đưa bảo quản lý, sử dụng đã xuống cấp; - Một số tuyến chưa được lắp đặt báo hiệu cây số ĐTNĐ; Một số tuyến báo hiệu còn thiếu cần phải bổ sung tại khu vực thông thuyền của một số cầu bắc qua sông.	
Tuyến Sông Tào			615.000					
Bổ sung	BH	27 Cột, 27 biển, 04 phao	531.000					
Thay thế	BH	24 biển	84.000					
Tuyến Kênh Choán từ N3 Hoàng Hà đến N3 Hoàng Phụ			73.500					
Bổ sung	BH	10 biển	35.000					
Thay thế	BH	11 biển	38.500					
Tuyến Sông Lèn			492.500					
Thay thế	BH	29 Cột, 62 biển	492.500					
Tuyến Sông Bưởi từ N3 Vĩnh Ninh đến Kim Tân			931.500					
Bổ sung	BH	25 Cột, 33 biển	353.000					
Thay thế	BH	14 Cột, 13 biển, 01 dàn đèn	578.500					
Tuyến Lạch Bạng - Đảo Mê			3.480.000					
Bổ sung	BH	34 phao	2.380.000					
Thay thế	BH	02 dàn đèn	1.100.000					
Bổ sung, thay thế đèn báo hiệu năng lượng			114.400				- Hiện trạng trên tuyến, còn một số phao được đầu tư lắp đặt theo công trình khác phục bão lũ, nhưng chưa có đèn trên phao - Tuyến sông Lèn là tuyến chạy tàu 3 ca, bắt buộc phải trang bị hệ thống đèn hiệu, đảm bảo ánh sáng theo quy chuẩn hiện hành	
Tuyến Sông Lèn			114.400					
Bổ sung	BH	8 đèn	114.400					

Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí (1.000 đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
6 Sửa chữa kè			23.100.000					
7 Thanh thái vật chướng ngại								
Thanh Thái VCN tại các đoạn cận khu vực thác Đền Hàn, sông Lèn (Km44+400-Km46+400; Km46+500-Km48+500; Km48+720-Km49+120)	m3	154.000	23.100.000	Năm 2023	1	Theo quy định	Các đoạn cận khu vực thác Đền Hàn, sông Lèn (Km44+400-Km46+400; Km46+500 - Km48+500; Km 48+720 - Km 49+120) đều nằm phía hạ lưu các bãi đá đã được thanh thải, luồng quanh co, dòng chảy không ổn định địa chất khu vực này chủ yếu là đất sét, sỏi, sạn. có kích thước đường thủy không đảm bảo theo cấp kỹ thuật ĐTNĐ là cấp IV; khi thủy triều xuống kiệt (BL=15-25m; hct=0,6-1,0m) vì vậy các phương tiện thường xuyên mắc cạn phải chờ nước lên mới lưu thông được làm ảnh hưởng đến trật tự và hoạt động giao thông đường thủy tại khu vực.	
8 Sửa chữa bến thủy chỉ								
9 Sửa chữa Nhà Trạm			1.000.000					
Sửa chữa nhà Trạm Quản lý ĐTNĐ Kiểu	trạm	1	1.000.000	Năm 2023	1	Theo quy định	Nhằm nâng cao tuổi thọ của công trình, đảm bảo phục vụ sinh hoạt, làm việc, giao dịch của cán bộ công nhân viên của Trạm, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý trên các tuyến Đường thủy nội địa. - Từ khi hoàn thành xây dựng từ năm 2004 đến nay. Nhà trạm chưa được sửa chữa, ảnh hưởng của môi trường nên nhà chính và khu phụ trợ đã xuống cấp.	
CÔNG TÁC KHÁC			13.765.254					

Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng dự kiến	Kinh phí (1.000 đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Phương thức thực hiện	Thuyết minh sơ lược sự cần thiết và cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
Chống va trôi khu vực cầu Hàm Rồng - sông Mã mùa lũ, bão năm 2023	vị trí	1	4.649.094	Năm 2023	1	Theo quy định	Đặc thù khu vực có 2 cầu gần nhau, cầu Hàm Rồng có 02 trụ gia cố thêm nằm ở giữa luồng chạy tàu, khoảng thông thuyền hẹp, về mùa lũ lưu tốc dòng chảy lớn dẫn đến các phương tiện vận tải bị dạt ép vào trụ gây nguy hiểm cho người và phương tiện.	
Chống va trôi khu vực cầu Đò Lèn - sông Lèn mùa lũ, bão năm 2023	vị trí	1	4.294.669	Năm 2023	1	Theo quy định	Đặc thù khu vực có 2 cầu gần nhau (cầu , nên có nhiều trụ, khoảng thông thuyền hẹp, lưu tốc dòng chảy lớn đặc biệt là vào mùa lũ và khi mực nước xuống thấp, độ chênh mặt nước cao, các phương tiện vận tải thường bị dạt ép vào trụ cầu gây nguy hiểm cho người và phương tiện cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến cầu là rất lớn. Khoảng cách cầu Đò Lèn đường sắt đến cầu Đò Lèn đường bộ khoảng 100 m.	
Lắp đặt 04 phao neo tại khu vực cầu Hàm Rồng - sông Mã (Km 15+500 đến Km 19+00)	Phao	4	4.821.491	Năm 2023	1	Theo quy định	Để mùa mưa bão cho tàu neo đậu tránh trú bão và khi tĩnh không cầu không đảm bảo thì các phương tiện thủy neo đậu chờ cho an toàn mới qua cầu. Đồng thời là vị trí cho phương tiện Hàng Hải neo đậu tránh trú bão	
Tổng cộng (I) +(II)+(III)			98.205.008					

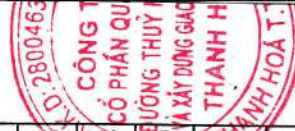
PHỤ LỤC II

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐTND NĂM 2023-2027

(Kèm theo văn bản số 51/ĐTND-KHTC ngày 20/4/2022)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Hạng mục	Kế hoạch					Tổng cộng
		2023	2024	2025	2026	2027	
I	Bảo dưỡng thường xuyên	18.026.060	19.828.666	21.811.533	23.992.686	26.391.954	83.658.944
1	Quản lý bảo trì thường xuyên luồng ĐTND	16.412.110	18.053.321	19.858.653	21.844.518	24.028.970	76.168.603
2	Điều tiết, khống chế ĐBGTT cầu Hàm Rồng (sông Mã)	1.613.950	1.775.345	1.952.880	2.148.167	2.362.984	7.490.342
3	Điều tiết, khống chế ĐBGTT cụm cầu Tào Xuyên (sông Tào)	2.827.794	3.110.573	3.421.631	3.763.794	4.140.173	13.123.792
II	Sửa chữa định kỳ	63.471.500	68.718.650	75.590.515	83.149.567	91.464.523	290.930.232
1	Thay thế, bổ sung báo hiệu	7.121.500	7.833.650	8.617.015	9.478.717	10.426.588	33.050.882
2	Sửa chữa nhà Trạm Kiểu	1.000.000					1.000.000
3	Nạo vét bãi cạn Km 4+00 đến Km4+500 Cửa Lạch Sung - tuyến Sông Lèn	12.000.000	13.200.000	14.520.000	15.972.000	17.569.200	55.692.000
4	Nạo vét bãi cạn Km3+00 đến Km5+00 Cửa Lạch Trường - tuyến Sông Tào	12.000.000	13.200.000	14.520.000	15.972.000	17.569.200	55.692.000
5	Nạo vét bãi cạn Km1+00 đến Km2+00 Cửa Lạch Bạng - tuyến Lạch Bạng - Đảo Mê	8.250.000	9.075.000	9.982.500	10.980.750	12.078.825	38.288.250
6	Thanh Thái VCN tại các đoạn cạn khu vực thác Dền Hân, sông Lèn (Km44+400-Km46+400; Km46+500-Km48+500; Km48+720-Km49+120)	23.100.000	25.410.000	27.951.000	30.746.100	33.820.710	107.207.100
III	Công tác khác	16.765.254	18.141.779	19.655.957	21.321.553	23.153.708	75.884.544
1	Chống va trôi cầu Hàm Rồng (sông Mã)	4.649.094	5.114.003	5.625.404	6.187.944	6.806.739	21.576.445
2	Chống va trôi cầu Đò Lèn (sông Lèn)	4.294.669	4.724.136	5.196.549	5.716.204	6.287.825	19.931.559



Số TT	Hạng mục	Kế hoạch					Tổng cộng
		2023	2024	2025	2026	2027	
3	Lắp đặt phao neo tại khu vực cầu Hàm Rồng, sông Mã	4.821.491	5.303.640	5.834.004	6.417.405	7.059.145	22.376.540
4	Dự phòng bảo lữ	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	12.000.000
	Cộng	98.262.814	106.689.095	117.058.005	128.463.805	141.010.186	450.473.720

